



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ
NHÂN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ 80.000.000.000 VND

Vốn pháp định 6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 14 Dặng Thủy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 62690742
Fax : (84-4) 62690741
E-mail : info@cmvietnam.vn
Mã số thuế : 0 1 0 2 3 0 7 3 4 3
Website : www.cmvietnam.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
 - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
 - Xây dựng đường hầm;
 - Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:
 - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nổi, khớp nổi và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nổi, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác:
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐTĐXH-GP ngày 9/11/2009);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Số 0104075049 ngày 24 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Số 0105156759 ngày 21 tháng 2 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Số 0800932611 ngày 29 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp	78,52%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	05 tháng 7 năm 2007	
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	05 tháng 7 năm 2007	
Ông Phạm Minh Hậu	Thành viên	12 tháng 5 năm 2012	24 tháng 02 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Phi	Thành viên	31 tháng 3 năm 2011	
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên	14 tháng 11 năm 2013	
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	25 tháng 02 năm 2014	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hồng Anh	Trưởng ban	12 tháng 5 năm 2012	
Bà Trương Thị Luyến	Thành viên	12 tháng 5 năm 2012	
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên	05 tháng 3 năm 2014	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	09 tháng 4 năm 2008	
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	20 tháng 9 năm 2007	
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 10 năm 2011	
Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 01 năm 2010	25 tháng 02 năm 2014
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	25 tháng 02 năm 2014	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và nhân lực Việt Nam tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 29 tháng 8 năm 2014



Số: 393/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2014, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội**



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1



Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		214.855.860.810	178.140.447.272
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43.426.765.299	18.399.828.721
1. Tiền	111		13.426.765.299	18.399.828.721
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.043.744.000	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	7.043.744.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.248.262.753	66.428.539.005
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	35.244.890.739	39.656.059.294
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	3.748.230.420	2.447.066.152
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	30.221.516.464	31.103.778.481
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(10.966.374.870)	(6.778.364.922)
IV. Hàng tồn kho	140		93.420.149.718	78.390.177.860
1. Hàng tồn kho	141	V.7	93.420.149.718	78.390.177.860
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.716.939.040	12.921.901.686
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.542.547.111	3.515.029.146
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.635.015.216	2.149.751.902
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	526.206.015	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	7.013.170.698	7.257.120.638

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.768.481.983	50.829.525.193
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.058.070.231	17.395.070.231
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.11	18.058.070.231	17.395.070.231
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.391.343.242	31.997.678.530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	16.548.962.086	20.605.714.765
<i>Nguyên giá</i>	222		41.042.390.195	40.358.703.832
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24.493.428.109)	(19.752.989.067)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	765.262	5.515.264
<i>Nguyên giá</i>	228		38.000.000	38.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(37.234.738)	(32.484.736)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	11.841.615.894	11.386.448.501
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.319.068.510	1.436.776.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	228.800.748	346.508.670
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	1.090.267.762	1.090.267.762
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		262.624.342.793	228.969.972.465

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		163.597.778.655	157.355.055.563
I. Nợ ngắn hạn	310		158.647.941.164	153.023.068.673
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	41.161.595.275	42.773.421.956
2. Phải trả người bán	312	V.18	29.062.189.906	34.354.397.714
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	41.227.427.141	30.312.225.828
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	6.556.560.427	10.467.595.408
5. Phải trả người lao động	315		9.762.294.199	11.605.174.617
6. Chi phí phải trả	316	V.21	18.348.069.185	14.352.879.217
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	11.204.153.719	8.071.552.387
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	1.325.651.312	1.085.821.546
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.949.837.491	4.331.986.890
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	2.034.154.019	1.448.621.600
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	2.883.365.290	2.883.365.290
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.26	32.318.182	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		96.384.788.988	68.973.205.552
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.27	96.384.788.988	68.973.205.552
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		877.646.070	877.646.070
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.289.502.607	1.689.928.190
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.217.640.311	16.405.631.292
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CÓ ĐÓNG THIỂU SỐ	439	V.28	2.641.775.150	2.641.711.350
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		262.624.342.793	228.969.972.465

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3.470,19	32.139,77
Kip Lào (LAK)		106.945.904,00	-
Algerian Dinar (DZD)		1.271.500,00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Hiến

Lập ngày 29 tháng 8 năm 2014



Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	187.294.545.488	83.161.725.494
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		187.294.545.488	83.161.725.494
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	163.041.410.109	66.197.868.580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.253.135.379	16.963.856.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	800.372.879	202.604.778
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.798.383.849	2.553.900.458
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.615.792.930	2.460.276.900
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.326.506.188	3.913.766.261
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.861.232.373	7.474.903.489
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.067.385.848	3.223.891.484
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.045.550.695	701.136.561
12. Chi phí khác	32	VI.8	392.191.294	1.072.544.116
13. Lợi nhuận khác	40		653.359.401	(371.407.555)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.720.745.249	2.852.483.929
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.444.901.580	916.845.081
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.275.843.669</u>	<u>1.935.638.848</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		5.275.843.669	1.935.638.848
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>812</u>	<u>387</u>

Lập ngày 29 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Đinh Thị Thủy

Đặng Xuân Hiền

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.720.745.249	2.852.483.929
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.745.189.044	4.740.383.842
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	4.188.009.948	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	28.070.221	82.263.478
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(623.316.778)	(50.512.464)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.615.792.930	2.460.276.900
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.674.490.614	10.084.895.685
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.390.643.649	24.447.384.365
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.029.971.858)	(24.703.929.017)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.474.925.701	29.334.322.871
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.090.189.957	(2.276.824.481)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.834.488.735)	(6.732.906.629)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(5.927.750.939)	(2.161.652.158)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.310.647.669	2.335.893.302
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.281.796.245)	(6.512.502.835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.866.889.813	23.814.681.103
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.301.845.372)	(2.768.473.918)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.043.744.000)	(1.932.095.937)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	432.095.937
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		623.316.778	50.512.464
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.722.272.594)	(4.217.961.454)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.27	30.000.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	61.465.346.811	66.423.555.765
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(63.077.173.492)	(109.752.329.913)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.505.568.000)	(10.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>20.882.605.319</i>	<i>(53.328.774.148)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		25.027.222.538	(33.732.054.499)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	18.399.828.721	37.579.412.268
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(285.960)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>43.426.765.299</u>	<u>3.847.357.769</u>

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Hiền

Lập ngày 29 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại, xây dựng.
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng và cung ứng nhân lực.
- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	78,52%	78,52%

- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Tập đoàn có 359 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 295 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

trương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo lãnh.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2014 : 21.300 VND/USD
653 VND/THB
2,65 VND/LAK
7.362 VND/RM
268,79 VND/DZD

31/12/2013 : 21.079 VND/USD
645,47 VND/THB
2,80 VND/LAK
268 VND/DZD
6.135 VND/MYR

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy. Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	7.601.837.213	876.447.765
Tiền gửi ngân hàng	5.824.928.086	17.523.380.956
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	30.000.000.000	-
Cộng	43.426.765.299	18.399.828.721

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác	7.043.744.000	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	500.000.000	500.000.000
- Cho ông Nguyễn Văn Phi vay	1.500.000.000	1.500.000.000
- Cho bà Đinh Thị Thủy vay	5.043.744.000	-
Cộng	<u>7.043.744.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng tại:		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	31.493.046.318	38.273.318.837
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	3.751.844.421	1.382.740.457
Cộng	<u>35.244.890.739</u>	<u>39.656.059.294</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước người bán tại:		
Công ty Cổ phần Xây dựng Nhân lực và Nhân lực Việt Nam	3.180.596.844	1.651.463.652
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	517.633.576	312.137.634
Công ty Cổ phần CM Thành Đồng	50.000.000	483.464.866
Cộng	<u>3.748.230.420</u>	<u>2.447.066.152</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	21.540.049.741
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	3.838.289.539	3.838.289.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hảo	-	1.504.000.000
Phải thu ông Lãng Việt Hùng	76.560.655	76.560.655
Phải thu ông Trần Đức Huỳnh	939.912.575	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	443.048.712	-
Phải thu về tiền thuế dịch vụ 10% phải nộp ở nước ngoài	573.828.935	171.376.659
Các khoản phải thu khác	2.809.826.307	3.973.501.887
Cộng	<u>30.221.516.464</u>	<u>31.103.778.481</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.778.364.922	281.350.000
Trích lập dự phòng bổ sung	4.308.009.948	-
Hoàn nhập dự phòng	(120.000.000)	-
Số cuối kỳ	<u>10.966.374.870</u>	<u>281.350.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuê, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	27.404.332	141.821.906
Nguyên liệu, vật liệu	10.242.910.570	4.988.542.306
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	83.128.372.948	73.239.298.649
Hàng hóa	21.461.868	20.514.999
Cộng	<u>93.420.149.718</u>	<u>78.390.177.860</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	526.877.023	1.631.248.534
Chi phí bảo hiểm	113.086.760	202.054.598
Phí bảo lãnh	78.020.571	218.517.286
Chi phí vận chuyển	-	60.416.672
Chi phí lắp đặt	-	119.352.425
Chi phí sửa chữa	199.086.153	204.872.584
Chi phí thuê văn phòng, sân đỗ	148.118.000	109.618.835
Chi phí dịch vụ xuất - nhập cảnh	83.247.442	454.496.211
Chi phí dịch vụ khác	394.111.162	514.452.001
Cộng	<u>1.542.547.111</u>	<u>3.515.029.146</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước
Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.**10. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	4.124.177.706	5.224.808.641
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.803.188.866	1.946.507.871
Tài sản thiếu chờ xử lý	85.804.126	85.804.126
Cộng	<u>7.013.170.698</u>	<u>7.257.120.638</u>

11. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	15.912.736.234	15.912.736.234
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 1	663.000.000	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm	1.482.333.997	1.482.333.997
Cộng	<u>18.058.070.231</u>	<u>17.395.070.231</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.236.213.842	11.450.846.782	366.706.226	1.304.936.982	40.358.703.832
Tăng do mua sắm mới trong kỳ	-	683.686.363	-	-	683.686.363
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	27.236.213.842	12.134.533.145	366.706.226	1.304.936.982	41.042.390.195
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.240.862.428	1.026.396.875	228.598.226	-	2.495.857.529
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	13.809.160.937	4.834.087.049	267.967.573	841.773.508	19.752.989.067
Tăng do khấu hao trong kỳ	3.378.411.104	1.132.291.795	23.017.998	206.718.145	4.740.439.042
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	17.187.572.041	5.966.378.844	290.985.571	1.048.491.653	24.493.428.109
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.427.052.905	6.616.759.733	98.738.653	463.163.474	20.605.714.765
Số cuối kỳ	10.048.641.801	6.168.154.301	75.720.655	256.445.329	16.548.962.086

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 13.255.831.483 VND và 6.303.244.390 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thủy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết số phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	38.000.000	32.484.736	5.515.264
Tăng trong kỳ do trích khấu hao	-	4.750.002	(4.750.002)
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	38.000.000	37.234.738	765.262

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Dự án xây dựng trung tâm thương mại Kinh Môn	11.014.001.885	618.159.009	-	11.632.160.894
Chi phí xây dựng thương hiệu	209.455.000	-	-	209.455.000
Chi phí thiết kế website	11.000.000	-	(11.000.000)	-
Dự án trung tâm thương mại văn hóa Kiến Thụy - Hải Phòng	151.991.616	-	(151.991.616)	-
Cộng	11.386.448.501	618.159.009	(162.991.616)	11.841.615.894

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	67.113.728	-	(24.576.276)	42.537.452
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	279.394.942	-	(93.131.646)	186.263.296
Cộng	346.508.670	-	(117.707.922)	228.800.748

16. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	876.267.762	876.267.762
Đặt cọc thuê nhà dài hạn	212.000.000	212.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	2.000.000	2.000.000
Cộng	1.090.267.762	1.090.267.762

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	37.898.487.980	36.247.196.492
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	24.721.231.293	24.964.887.492
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Tây Hồ	11.177.256.687	11.282.309.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Mỹ Đình	2.000.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.100.000.000	4.200.000.000
- Vay Công ty Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	-	-
- Vay Bà Phạm Thị Hiếu	1.400.000.000	1.400.000.000
- Vay Ông Nguyễn Hữu Mạnh	700.000.000	1.200.000.000
- Vay Bà Phạm Minh Hậu	-	1.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.163.107.295	2.326.225.464
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	224.237.879	448.484.848
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Long Biên	716.119.416	1.432.240.616
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Mỹ Đình	222.750.000	445.500.000
Cộng	<u>41.161.595.275</u>	<u>42.773.421.956</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	36.247.196.492	58.186.286.811	(56.534.995.323)	37.898.487.980
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.200.000.000	3.279.060.000	(5.379.060.000)	2.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.326.225.464	-	(1.163.118.169)	1.163.107.295
Cộng	<u>42.773.421.956</u>	<u>61.465.346.811</u>	<u>(63.077.173.492)</u>	<u>41.161.595.275</u>

18. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán tại:		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	25.193.769.560	26.834.758.474
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	3.099.111.987	6.481.932.596
Công ty TNHH CM Xây dựng	652.997.000	820.400.074
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	116.311.359	217.306.570
Cộng	<u>29.062.189.906</u>	<u>34.354.397.714</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên 185	-	122.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	1.942.830.855	1.742.830.855
Công ty Xây lắp Môi trường Nhân Cơ Vinacomin	24.304.782.499	9.994.457.599
Công ty TNHH Một thành viên Than Khe Châm - Vinacomin	10.827.064.526	9.002.937.374
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	-	4.800.000.000
Ban quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang	3.500.000.000	4.650.000.000
Các đối tượng khác	652.749.261	-
Cộng	<u>41.227.427.141</u>	<u>30.312.225.828</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.122.976.463	1.123.391.309	(1.014.255.419)	1.232.112.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.076.004.541	1.444.901.580	(5.927.750.939)	2.593.155.182
Thuế thu nhập cá nhân	2.135.588.189	479.248.890	(542.776.417)	2.072.060.662
Các loại thuế khác	133.026.215	11.000.000	(11.000.000)	133.026.215
Cộng	<u>10.467.595.408</u>	<u>3.058.541.779</u>	<u>(7.495.782.775)</u>	<u>6.030.354.412</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ xây dựng	10%
Bán hàng hóa	10%
Cung ứng nhân lực ra nước ngoài	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với các công ty trong Tập đoàn như sau:

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (Công ty mẹ)	22%
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	22%
Công ty TNHH CM Xây dựng (doanh thu thuần năm 2013 dưới 20 tỷ đồng)	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.720.745.249	2.852.483.929
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(28.070.221)	814.896.394
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	814.896.394
Chi phí khấu hao tương ứng với phần nguyên giá xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ VND	-	228.278.956
Phạt chậm nộp tiền thuế	-	475.558.868
Chi phí không được trừ khác	-	111.058.570
- Các khoản điều chỉnh giảm	(28.070.221)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền, các khoản phải thu	(28.070.221)	-
Thu nhập chịu thuế	6.692.675.028	3.667.380.323
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	(119.676.406)	-
Thu nhập tính thuế	6.572.998.622	3.667.380.323
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>1.446.059.697</i>	<i>-</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(1.158.117)</i>	<i>-</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	<i>1.444.901.580</i>	<i>916.845.081</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.444.901.580	916.845.081

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo quy định.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về sản lượng xây lắp hoàn thành	14.082.032.707	10.192.589.144
Trích trước chi phí nhân công thuê ngoài, chi phí vật tư	1.136.441.288	827.598.773
Chi phí lãi vay phải trả	11.911.111	230.606.916
Phí quản lý dự án	2.608.729.266	2.608.729.266
Chi phí phải trả khác	508.954.813	493.355.118
Cộng	18.348.069.185	14.352.879.217

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thủy Trám, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.100.000	1.100.000
BHXH, BHYT, BHTN	825.332.908	1.404.937.052
Kinh phí công đoàn	500.173.844	475.681.468
Vay ngắn hạn cá nhân không tính lãi	4.219.768.818	722.842.448
Phải trả tiền vật tư nhập kho chưa xuất hóa đơn	709.886.245	771.386.245
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.375.660.000	1.075.660.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	767.163.000	767.163.000
Công ty TNHH Hòa Hiệp	-	270.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	217.085.878	184.577.078
Dự án Bàn Mòng Sơn La	-	105.226.451
Cổ tức phải trả	23.445.000	29.013.000
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	124.366.667	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.440.171.359	2.263.965.645
Cộng	<u>11.204.153.719</u>	<u>8.071.552.387</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	740.095.637	119.914.883	-	860.010.520
Quỹ phúc lợi	345.725.909	119.914.883	-	465.640.792
Cộng	<u>1.085.821.546</u>	<u>239.829.766</u>	<u>-</u>	<u>1.325.651.312</u>

24. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

25. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	918.181.818	918.181.818
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Long Biên	1.074.183.472	1.074.183.472
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	891.000.000	891.000.000
Cộng	<u>2.883.365.290</u>	<u>2.883.365.290</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt để mua trạm trộn bê tông và máy Cầu quy 50 với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Long Biên để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng với lãi suất thay đổi theo thị trường tại từng thời điểm, thời hạn vay 42 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để mua xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L với lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thúc Trám, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 05 tháng 02 năm 2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.163.107.295	2.326.225.464
Trên 1 năm đến 5 năm	2.883.365.290	2.883.365.290
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	<u>4.046.472.585</u>	<u>5.209.590.754</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	2.883.365.290	2.713.863.934
Số tiền vay phát sinh	-	2.900.136.363
Số tiền vay đã trả	-	(762.469.697)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(1.968.165.310)
Số cuối kỳ	<u>2.883.365.290</u>	<u>2.883.365.290</u>

26. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu cho thuê văn phòng trả tiền trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thủy Trám, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	877.646.070	844.256.827	16.234.848.272	67.956.751.169
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	11.991.488.338	11.991.488.338
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	845.671.363	(1.691.342.726)	(845.671.363)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	-	(6.754.546)	(6.754.546)
Tặng khác	-	-	3.391.954	3.391.954
Phụ cấp HĐQT	-	-	(126.000.000)	(126.000.000)
Số dư cuối năm trước	877.646.070	1.689.928.190	16.405.631.292	68.973.205.552
Số dư đầu năm nay	877.646.070	1.689.928.190	16.405.631.292	68.973.205.552
Cổ đông góp vốn bằng tiền	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	5.275.843.669	5.275.843.669
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	599.574.417	(839.404.183)	(239.829.766)
Chia cổ tức năm kỳ này	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	(124.366.667)	(124.366.667)
Tặng khác	-	-	(63.800)	(63.800)
Số dư cuối kỳ	877.646.070	2.289.502.607	13.217.640.311	96.384.788.988

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của các cổ đông

Số cuối kỳ	Số đầu năm
80.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Trả cổ tức năm trước	7.505.568.000	10.000.000.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	<u>7.505.568.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	8.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

28. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.641.711.350	2.634.956.804
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông thiểu số	63.800	3.026.300
Giảm khác	-	-
Số cuối kỳ	<u>2.641.775.150</u>	<u>2.637.983.104</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu		
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	37.522.044.568	26.107.244.746
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3.004.855.091	3.515.283.406
- <i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	146.767.645.829	53.539.197.342
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>187.294.545.488</u>	<u>83.161.725.494</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	63.464.158.670	20.506.648.425
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.859.256.377	818.608.660
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	96.717.995.062	44.872.611.495
Cộng	<u>163.041.410.109</u>	<u>66.197.868.580</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	435.078.869	50.512.464
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	17.999.456	9.916.695
Lãi tiền cho vay	188.237.909	86.843.784
Tiền hỗ trợ lãi suất được hưởng của Xi măng Cẩm Phả	12.708.568	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	3.278.032	55.331.835
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.070.221	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	114.999.824	-
Cộng	800.372.879	202.604.778

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.615.792.930	2.344.993.448
Lãi mua hàng trả chậm	20.688.061	115.283.452
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	82.263.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	161.902.858	11.005.502
Chi phí tài chính khác	-	354.578
Cộng	2.798.383.849	2.553.900.458

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.551.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.326.506.188	3.911.214.601
Cộng	4.326.506.188	3.913.766.261

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.550.503.061	2.846.017.299
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	11.000.000	35.647.728
Chi phí đồ dùng văn phòng	204.524.270	222.226.809
Chi phí khấu hao TSCĐ	617.471.916	591.388.043
Thuê, phí và lệ phí	201.302.940	284.828.329
Chi phí dự phòng	4.188.009.948	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.021.807.725	2.818.559.239
Chi phí bằng tiền khác	66.612.513	676.236.042
Cộng	11.861.232.373	7.474.903.489

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thi nghiệm công trình	117.112.354	-
Thu phí bảo hiểm đợc hoàn	206.878.144	-
Thu tiền bồi thường tổn thất tài sản	36.199.840	-
Thu tiền hỗ trợ thị trường	366.250.000	-
Thu từ thanh lý phế liệu, vật tư	7.000.000	396.387.487
Thu từ sửa chữa máy móc thiết bị	-	107.445.182
Thu từ bán tiền điện	165.034.000	-
Thu nhập khác	147.076.357	197.303.892
Cộng	1.045.550.695	701.136.561

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCD không đủ điều kiện theo TT45	-	120.391.699
Chi phí thi nghiệm công trình	117.112.354	-
Giá trị vật tư thanh lý	59.594.444	420.755.580
Phạt chậm nộp thuế	-	282.560.424
Chi phí tiền điện	165.034.000	-
Chi phí khác	50.450.496	248.836.413
Cộng	392.191.294	1.072.544.116

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.275.843.669	1.935.638.848
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.275.843.669	1.935.638.848
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.500.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	812	387

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành vào tháng 3 năm 2014	1.500.000	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.500.000	5.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Cho thành viên HĐQT vay	-	1.500.000.000
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	143.838.710	84.000.000
Vay ngắn hạn HĐQT không tính lãi	-	1.800.000.000
Cổ tức đã chi trả cho HĐQT	1.555.771.650	1.163.762.200

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Hội đồng quản trị	1.500.000.000		1.500.000.000	
Ban điều hành	-		-	
Cộng nợ phải thu	1.500.000.000		1.500.000.000	
Hội đồng quản trị	180.346.663		1.600.000.000	
Ban điều hành	-		8.683.000	
Cộng nợ phải trả	180.346.663		1.608.683.000	

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	1.187.007.412	754.352.430

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Lĩnh vực dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực Dịch vụ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	146.767.645.829	37.522.044.568	3.004.855.091	187.294.545.488
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.767.645.829	37.522.044.568	3.004.855.091	187.294.545.488
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	50.049.650.767	(25.942.114.102)	145.598.714	24.253.135.379
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(16.187.738.561)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.065.396.818
Doanh thu hoạt động tài chính				800.372.879
Chi phí tài chính				(2.798.383.849)
Thu nhập khác				1.045.550.695
Chi phí khác				(392.191.294)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.444.901.580)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.275.843.669
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	(1.301.845.372)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	4.858.146.964
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	53.539.197.342	26.107.244.746	3.515.283.406	83.161.725.494
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.539.197.342	26.107.244.746	3.515.283.406	83.161.725.494
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.666.585.847	2.696.674.746	5.600.596.321	16.963.856.914
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(11.388.669.750)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.575.187.164
Doanh thu hoạt động tài chính				202.604.778
Chi phí tài chính				(2.553.900.458)
Thu nhập khác				701.136.561
Chi phí khác				(1.072.544.116)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(916.845.081)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.935.638.848
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	(2.835.312.184)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	4.742.679.679

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực Dịch vụ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	51.104.201.927	5.058.008.279	888.981.184	57.051.191.390
Tài sản phân bổ cho bộ phận	95.453.853.235	24.403.360.257	1.954.279.468	121.811.492.960
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				83.761.658.443
Tổng tài sản				262.624.342.793
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	67.190.505.060	3.099.111.987	32.318.182	70.321.935.229
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	56.542.314.152	14.455.387.764	1.157.622.033	72.155.323.949
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				21.120.519.477
Tổng nợ phải trả				163.597.778.655
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	68.525.818.441	6.043.626.583	235.644.953	74.805.089.977
Tài sản phân bổ cho bộ phận	101.121.704.518	8.918.416.962	347.734.910	110.387.856.390
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				43.777.026.098
Tổng tài sản				228.969.972.465
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	44.312.498.129	122.000.000	2.524.281.600	46.958.779.729
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				91.846.966.493
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				18.549.309.341
Tổng nợ phải trả				157.355.055.563

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	141.334.968.678	74.786.467.819
Khu vực nước ngoài	45.959.576.810	8.375.257.675
Cộng	187.294.545.488	83.161.725.494

3. Quản lý rủi ro tài chính**Tổng quan**

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Cá nhân này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.426.765.299	-	13.426.765.299
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu khách hàng	53.106.610.970	196.350.000	53.302.960.970
Các khoản cho vay	7.043.744.000	-	7.043.744.000
Các khoản phải thu khác	12.574.923.351	21.540.049.741	34.114.973.092
Cộng	86.652.043.620	21.736.399.741	108.388.443.361
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.399.828.721	-	18.399.828.721
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu khách hàng	56.734.779.525	316.350.000	57.051.129.525
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	12.686.308.499	21.540.049.741	34.226.358.240
Cộng	89.820.916.745	21.856.399.741	111.677.316.486

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	41.161.595.275	2.883.365.290	-	44.044.960.565
Phải trả người bán	29.062.189.906	-	-	29.062.189.906
Các khoản phải trả khác	28.077.804.485	2.034.154.019	-	30.111.958.504
Cộng	98.301.589.666	4.917.519.309	-	103.219.108.975
Số đầu năm				
Vay và nợ	42.773.421.956	2.883.365.290	-	45.656.787.246
Phải trả người bán	34.354.397.714	-	-	34.354.397.714
Các khoản phải trả khác	20.543.813.084	1.448.621.600	-	21.992.434.684
Cộng	97.671.632.754	4.331.986.890	-	102.003.619.644

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa và nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 30 tháng 6 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, LAK, MYR, DZD và THB do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuê, Từ Liêm, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ						Số đầu năm					
	USD	LAK	MYR	DZD	THB	USD	LAK	MYR	DZD	THB		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.470,19	106.945.904	-	1.271.500	-	32.139,77	-	-	-	-		
Phải thu khách hàng	120.196,96	-	134.449,75	-	5.466.514,33	191.201,33	-	105.605,26	-	8.575.172,24		
Phải trả người bán	-	(81.033.000)	-	-	(763.930,80)	-	(131.810.200)	(245.840)	-	-		
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	123.667,15	25.912.904	134.449,75	1.271.500	4.702.583,53	223.341,10	(131.810.200)	105.605,26	(245.840)	8.575.172,24		

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giá định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và các đồng tiền khác tăng/giam 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính sẽ tăng/giảm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Với đồng USD	41.092.121	70.617.106
Với đồng LAK	1.071.239	(5.536.028)
Với đồng MYR	15.441.177	9.718.324
Với đồng DZD	5.331.557	(988.277)
Với đồng THB	47.904.278	83.025.246
Cộng	110.840.372	156.836.371

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.048.888.889	-
Các khoản cho vay	7.043.744.000	1.500.000.000
Vay và nợ	(29.895.414.765)	(30.239.070.964)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>7.197.218.124</u>	<u>(28.739.070.964)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giá định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 112.276.603 VND (năm trước giảm/tăng 431.086.064 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối kỳ		Giá trị ghi sổ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý		
	Giá gốc	Dự phòng	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.426.765.299	-	-	18.399.828.721	-	-	-	13.426.765.299	18.399.828.721
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	-	500.000.000	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Phải thu khách hàng	53.302.960.970	(196.350.000)	(196.350.000)	57.051.129.525	(316.350.000)	(316.350.000)	53.106.610.970	56.734.779.525	56.734.779.525
Các khoản cho vay	7.043.744.000	-	-	1.500.000.000	-	-	-	7.043.744.000	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	34.114.973.092	(10.770.024.870)	(10.770.024.870)	34.226.358.240	(6.462.014.922)	(6.462.014.922)	23.344.948.222	27.764.343.318	27.764.343.318
Cộng	108.388.443.361	(10.966.374.870)	(10.966.374.870)	111.677.316.486	(6.778.364.922)	(6.778.364.922)	97.422.068.491	104.898.951.564	104.898.951.564

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	44.044.960.565	45.656.787.246	44.044.960.565	45.656.787.246
Phải trả người bán	29.062.189.906	34.354.397.714	29.062.189.906	34.354.397.714
Các khoản phải trả khác	30.111.958.504	21.992.434.684	30.111.958.504	21.992.434.684
Cộng	103.219.108.975	102.003.619.644	103.219.108.975	102.003.619.644

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014 được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Hiến

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

